

Bản án số: 48/2019/HS-PT
Ngày: 07-3-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc Thạch;

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Luông;

Ông Trương Văn Lộc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Lữ Thị Lệ Huyền- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 02, ngày 01 và 07 tháng 3 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương mở phiên tòa phúc thẩm công khai xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 221/2018/TLPT-HS ngày 28 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2018/HS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

Các bị cáo kháng cáo:

1. Nguyễn Tấn Đ, sinh năm 1993. Hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1965 và bà Phạm Thị P, sinh năm 1967; có vợ Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1995; có 02 người con (người con lớn sinh năm 2012, người con nhỏ sinh năm 2015); tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giam ngày 16/8/2014 đến ngày 14/11/2014 được trả tự do. Ngày 26/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can, đến ngày 15/3/2018 ban hành quyết định phục hồi điều tra bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

2. Võ Tuấn C, sinh năm 1992. Hộ khẩu thường trú: Tổ 3, ấp 4, xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Đ, sinh năm 1963 và bà Trương Thị Tuyết M, sinh năm 1966; có vợ Võ Thị Thu H, sinh năm 1998; có 01 người con, sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không. Bị

cáo bị tạm giam ngày 16/8/2014 đến ngày 14/11/2014 được trả tự do. Ngày 26/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ban hành quyết định tạm đình chỉ điều tra bị can, đến ngày 15/3/2018 ban hành quyết định phục hồi điều tra bị can và áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Trong vụ án còn có 03 bị cáo, 02 bị hại và 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo, không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập tham gia phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 15 tháng 08 năm 2014, Võ Văn L hẹn với Thượng Hồng Th, Đặng Tuấn A, Nguyễn Tấn Đ đến phòng trọ của Nguyễn Văn M và Nguyễn Thị Thanh T để uống rượu, tất cả cùng đồng ý. L đi bộ đến phòng trọ của M và T. Th điều khiển xe mô tô biển số 61U2-9167 chở Đ, còn Tuấn A điều khiển xe mô tô biển số 61E1-318.46 đến phòng trọ của M và T. Trong lúc uống rượu, L điện thoại cho Võ Tuấn C và Lê Thị N đến phòng trọ của M chơi. Trong lúc cả nhóm đang uống rượu thì nghe tiếng xe dừng trước dãy phòng trọ, tiếng chó sủa, L tưởng là C đến nên L đứng dậy đi ra gọi C vào nhưng không có ai trả lời. Lúc này, Lê Thanh H, Lâm Thạch S và Út E đi uống rượu về; khi nghe L gọi tưởng là gọi mình nên H và S đi lại nói chuyện với L. L thấy H say rượu nên nói H về nhưng H không về mà áp sát vào người L nên L đẩy H ra và dùng tay phải đâm vào mặt H một cái. Do bị L đánh, H nhặt lấy cục gạch định đánh L thì L bỏ chạy vào phòng trọ của M lấy dao Thái lan dùng để đập vỡ hộc vệt lộn chạy quay ngược ra đánh lại H, S và Út E. Tuấn A ra khỏi phòng nhìn thấy H đang cầm cục gạch trên tay định đánh L nên Tuấn A dùng chân đá vào tay của H làm cục gạch rơi xuống đất. Lúc này, S và Út E chạy vào phòng trọ lấy ống tuýp dài khoảng 70 cm chạy ra đánh nhóm của L; thấy S và Út E cầm ống tuýp nên Tuấn A bỏ chạy về cuối dãy phòng trọ. Cùng lúc này, Th nhìn thấy L đang đánh nhau với H nên Th vào phụ giúp L đánh lại nhóm của H. S cầm ống tuýp quơ qua quơ lại, Th sợ bị đánh trúng nên bỏ chạy ra phía cuối dãy trọ nhặt 01 thanh nhôm chạy quay ra để đánh nhau. Trong lúc đánh nhau, S quơ ống tuýp đánh L, L né tránh được và dùng dao Thái lan đâm trúng vào vai của S. Do bị đánh và bị đâm nên S và Út E cùng bỏ chạy ra hướng đường nhựa để trốn, còn H điều khiển xe mô tô biển số 59S1-646.78 bỏ đi. Sau đó, L cùng với Th, Đ chạy đuổi theo đánh S, H và Út E nhưng không đuổi kịp; còn Tuấn A lấy xe chạy đến dừng trước sân nhà L. Trên đường đuổi theo, Th nói với L “tụi nó cầm ống tuýp, chạy về nhà lấy đồ chơi lại tụi nó luôn”. Nghe Th nói như vậy, L đồng ý chạy về nhà lấy dao mã tấu cất giấu trong bao ximăng mang ra đưa cho Th. Th đưa cho L và Đ mỗi người 01 dao mã tấu. Sau đó, L, Đ, Th quay lại trước cổng nhà của L đứng; L lấy điện thoại gọi cho C và nói cho C nghe L đang bị đánh trước nhà của mình, kêu C tới giúp, C đồng ý. Lúc này, Tuấn A đi từ trong nhà của L ra, Th đưa cho Tuấn A một dao mã tấu.

Khoảng 05 phút sau, C điều khiển xe mô tô biển số 61H8-2371 chạy đến nhà L và L nói lại sự việc cho C nghe. Lúc này, ông Võ Văn D là cha ruột của L nghe ồn ào phía trước nhà nên đi ra kêu L dừng đánh nhau nữa nhưng tất cả không nghe mà vẫn đứng giữa đường chờ đánh nhau với nhóm của S.

Hải sau khi chạy đi một đoạn thì nhớ S và Út E vẫn còn ở hiện trường nên H quay xe lại thì gặp S và Út E. H kêu S cầm ống tuýp leo lên xe để H chờ quay lại đánh nhóm của L. H tăng ga xe chạy tông thẳng vào nhóm của L nhưng tất cả đều tránh được nên xe đụng vào người của ông D làm cho ông D té ngã xuống đường bị thương tích. Xe của H cũng bị mất lái nên té ngã làm S đánh rơi ống tuýp sắt, S nằm bên cạnh xe, còn H đứng dậy bỏ chạy. Th nhặt lấy ống tuýp của S rồi cùng với Đ, L dùng chân, tay đấm đá S; Tuấn A cầm dao mã tấu chém vào lưng của S 01 cái. Sau đó, L, Đ, Th cầm dao mã tấu và tuýt sắt đuổi theo H; còn C điều khiển xe mô tô biển số 61H8-2371 chạy theo H, C chạy được khoảng 20 mét thì đuổi kịp H. C dùng chân đạp H té ngã và dùng tay chân đấm đá H. L, Đ, Th cũng vừa chạy tới kịp nên tất cả cùng xông vào đánh H. Đ tay không xông vào đánh H; Th dùng ống tuýp sắt đánh vào đùi, hông, lưng của H; L dùng dao Thái lan đâm vào lưng H 01 nhát và quay ngược lưỡi dao Thái lan lại rạch vào mặt của H; đồng thời L nhặt 01 cục đá đập vào đầu H làm cho H ngất xỉu. Sau đó, nhóm của L quay lại vị trí ông D đang nằm. Trên đường quay lại, L nhìn thấy S đang đứng gần xe máy bị ngã nên L tức giận tiếp tục đánh và đá S, L dùng dao Thái lan đâm S 01 nhát vào lưng làm cho S gục xuống đất. Th cũng tiếp tục xông vào dùng chân đá S. Thấy S ngất xỉu nên L, Th không đánh nữa và đi đến chỗ ông D. Tất cả ném dao mã tấu ngay hàng rào trước nhà L. S và H được người dân xung quanh đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Dương.

Ngày 16/8/2014, Võ Văn L, Thượng Hồng Th, Đặng Tuấn A, Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C đến trụ sở Công an xã V, thị xã T, tỉnh Bình Dương khai nhận hành vi phạm tội.

Ngày 20/8/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã tiến hành làm việc với bị hại Lê Thanh H và Lâm Thạch S. Các bị hại yêu cầu xử lý hành vi gây thương tích đối với Võ Văn L, Thượng Hồng Th, Đặng Tuấn A, Nguyễn Tấn Đ, Võ Tuấn C và có đơn yêu cầu khởi tố vụ án hình sự.

Ngày 05/9/2014, bị hại Lê Thanh H và Lâm Thạch S không yêu cầu khởi tố vụ án, để hai bên tự thỏa thuận với nhau.

Tại Kết luận giám định pháp y về thương tích số 101/TgT-PY ngày 29/5/2015 của Trung tâm pháp y - Sở Y tế tỉnh Sóc Trăng xác định: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại đối với Lâm Thạch S là 18% .

Đối với bị hại Lê Thanh H, quá trình điều tra, H bỏ đi khỏi nơi tạm trú và nơi thường trú, không rõ H đang làm gì, ở đâu nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không thể trưng cầu giám định thương tích để làm căn cứ xử lý hành vi của các bị cáo.

Đối với Út E (không rõ nhân thân, lai lịch) nên không thể tiến hành làm việc để làm rõ các tình tiết liên quan đến vụ án.

Đối với hành vi của Lê Thanh H điều khiển xe mô tô biển số 59S1-646.78 đụng vào người của ông Võ Văn D. Ông D không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không xem xét xử lý.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2018/HS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; các Điều 17, 38 và 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017,

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2014 đến ngày 14/11/2014).

Xử phạt: Bị cáo Võ Tuấn C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án (khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/8/2014 đến ngày 14/11/2014).

Bản án sơ thẩm còn xử phạt các bị cáo: Võ Văn L 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, Thượng Hồng Th 02 (hai) năm tù và Đặng Tuấn A 02 (hai) năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 02/11/2018, bị cáo Võ Tuấn C làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Ngày 05/11/2018, bị cáo Nguyễn Tấn Đ làm đơn kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Xác định tội danh, điều luật mà Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và áp dụng đối với các bị cáo Nguyễn Tấn Đ, Võ Tuấn C là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Trong quá trình điều tra và tại Tòa án cấp sơ thẩm, cơ quan tố tụng cấp sơ thẩm đã có những vi phạm về thủ tục tố tụng như: Các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm là mã tấu, dao chém, đâm gây thương tích cho bị hại Lê Thanh H, Lâm Thạch S và Út E (không rõ nhân thân, lai lịch) nhưng quá trình điều tra vụ án chỉ xác định được một bị hại là Lâm Thạch S và chỉ căn cứ vào tỷ lệ thương tích của bị hại S để xử lý đối với các bị cáo là chưa đầy đủ và toàn diện. Sau khi phục hồi điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không tiến hành xác minh bị hại H và S hiện có mặt ở địa phương hay không; không tiến hành triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng để lấy lời khai lại đối với bị hại H và S nhằm xác định vấn đề bồi thường dân sự và xử lý trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Đối với bị hại Lê Thanh H, Cơ

quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T có ra quyết định trưng cầu giám định tỷ lệ thương tích của bị hại H trên hồ sơ bệnh án và giấy chứng nhận thương tích nhưng đến khi kết thúc điều tra vụ án vẫn không có kết luận giám định đối với bị hại H và Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T cũng không có văn bản yêu cầu các cơ quan giám định trả lời về kết quả giám định cũng như xác minh, làm việc với các cơ quan giám định về lý do không có kết luận giám định. Đối với bị hại Út E, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không tiến hành xác minh lai lịch, địa chỉ của Út E để làm việc, xác định yêu cầu của Út E trong vụ án này. Quá trình điều tra vụ án, không xác định được các bị hại H và S ở đâu nên không tiến hành làm việc được với các bị hại; các bị hại cũng vắng mặt trong quá trình xét xử nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại tổng đạt bản án cho các bị hại tại trụ sở Tòa án là không hợp lý. Tòa án cấp sơ thẩm không phân tích vai trò đồng phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo mà tuyên phạt các bị cáo Th, Tuấn A 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; còn các bị cáo Đ và C 02 năm tù là chưa phù hợp. Do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng nên đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung.

Các bị cáo Đ và C nói lời sau cùng: Các bị cáo mong Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện ở nhà nuôi con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương giải quyết vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thủ tục tố tụng tại cấp sơ thẩm: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng, cụ thể:

Hồ sơ vụ án thể hiện các bị cáo sử dụng hung khí nguy hiểm là mã tấu, dao chém, đâm gây thương tích cho các bị hại Lê Thanh H, Lâm Thạch S và Út E (không rõ nhân thân, lai lịch). Tuy nhiên, quá trình điều tra vụ án chỉ xác định được một bị hại là Lâm Thạch S và chỉ căn cứ vào tỷ lệ thương tích của bị hại S để xử lý đối với các bị cáo là chưa đầy đủ và toàn diện.

Ngày 09/9/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra quyết định trưng cầu Tổ chức giám định y khoa – Pháp y tỉnh Bình Dương, Phân viện pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, Trung tâm giám định pháp y tỉnh Sóc Trăng, Tổ chức giám định y khoa – Pháp y tỉnh An Giang giám định đối với tỷ lệ thương tích của các bị hại S và H. Ngày 26/12/2014, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án do chưa có kết quả giám định nhưng không thông báo quyết định tạm đình chỉ cho các bị hại biết (vi phạm Điều 229 Bộ luật Tố tụng hình sự).

Ngày 15/3/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T ra quyết định phục hồi điều tra vụ án do có kết quả giám định thương tích của bị hại S. Sau khi phục hồi điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không tiến hành hoạt động điều tra như xác minh bị hại H và S hiện có mặt ở địa phương hay không, không thông báo quyết định phục hồi điều tra vụ án, kết luận giám định cho bị hại S, H (vi phạm Điều 214, 235 Bộ luật Tố tụng hình sự); không tiến hành triệu tập, niêm yết các văn bản tố tụng để lấy lời khai lại đối với bị hại H và S nhằm xác định vấn đề bồi thường dân sự và xử lý trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Đối với bị hại Lê Thanh H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T có ra quyết định trưng cầu Tổ chức giám định y khoa – Pháp y tỉnh Bình Dương, Phân viện pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tổ chức giám định y khoa – Pháp y tỉnh An Giang giám định tỷ lệ thương tích của bị hại H trên hồ sơ bệnh án và giấy chứng nhận thương tích nhưng đến khi kết thúc điều tra vụ án vẫn không có kết luận giám định đối với bị hại H và các cơ quan giám định cũng không có văn bản trả lời cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T cũng không có văn bản yêu cầu các cơ quan giám định trả lời về kết quả giám định cũng như xác minh, làm việc với các cơ quan giám định về lý do không có kết luận giám định.

Bị hại H khai: Út E và H là anh em họ, mẹ của Út E và mẹ của H là chị em ruột nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T không tiến hành xác minh lai lịch, địa chỉ của Út E để làm việc, xác định yêu cầu của Út E trong vụ án này.

Quá trình điều tra vụ án, không xác định được các bị hại H và S ở đâu nên không tiến hành làm việc được với các bị hại. Trong bản án và biên bản phiên tòa sơ thẩm cũng thể hiện, bị hại H và S vắng mặt tại phiên tòa nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tổng đạt quyết định xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho các bị hại. Tuy nhiên, bản án sơ thẩm lại được tổng đạt cho bị hại H và S tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã T là không hợp lý.

Bản án sơ thẩm không phân tích vai trò đồng phạm, cá thể hóa trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Bị cáo Tuấn A dùng dao mã tấu chém vào lưng của bị hại S; bị cáo Th dùng ống tuýp sắt đánh vào đùi, hông, lưng của bị hại H; còn bị cáo Đ và C chỉ dùng tay, chân đánh bị hại H. Như vậy, hành vi của bị cáo Đ và C gây thương tích cho bị hại S và H không nguy hiểm bằng hành vi của bị cáo Th và Tuấn A. Các bị cáo Đ và C đều có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và có nhiều tình tiết giảm nhẹ như các bị cáo Th và Tuấn A nhưng Tòa án cấp sơ thẩm tuyên phạt các bị cáo Th và Tuấn A 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo; tuyên phạt các bị cáo Đ và C 02 năm tù là nghiêm khắc, không phù hợp với tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đề nghị hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại theo thủ tục chung là phù hợp.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C không phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355 và khoản 1 Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

1. Hủy Bản án hình sự sơ thẩm số 144/2018/HS-ST ngày 29/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương.

2. Chuyển hồ sơ vụ án về Viện Kiểm sát nhân dân thị xã T, tỉnh Bình Dương để điều tra lại theo thủ tục chung.

3. Án phí hình sự phúc thẩm:

Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Các bị cáo Nguyễn Tấn Đ và Võ Tuấn C không phải nộp.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- | | |
|---------------------------------|---|
| - VKSND tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - TAND thị xã T; | 2 |
| - VKSND thị xã T; | 1 |
| - Chi cục THADS thị xã T; | 1 |
| - Phòng PV06 - Công an tỉnh BD; | 1 |
| - Công an thị xã T; | 1 |
| - Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương; | 1 |
| - Các bị cáo; | 2 |
| - Tổ Hành chính Tư pháp; | 2 |
| - Lưu: HSVA, Tòa HS. | 2 |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Ngọc Thạch

